TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2026/QĐST-HNGĐ	*Hải Phòng, ngày 31 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng tham gia phiên họp: Ông Tăng Bá Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 470/2026/TLST-VHNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026 về việc *"yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận vợ chồng"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 09/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị T1, sinh ngày 02-9-1983. Số Căn cước công dân: 030183005250. Ngày cấp: 15-9-2023. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường N, thành phố Hải Phòng

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-Ủy ban nhân dân phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ: phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lãnh Duy T2- Chủ tịch

- Bà Thân Thị Q, sinh ngày 01-01-1961. Số Căn cước công dân: 030161003490. Ngày cấp: 28-5-2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh ngày 14-4-1962. Số Căn cước công dân: 030062004922. Ngày cấp: 28-5-2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Đều trú tại: Tổ dân phố T, phường N, thành phố Hải Phòng

(chị T1, ông T2, bà Q, Ủy ban nhân dân phường Nhị Chiểu, đều có đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình của chị Nguyễn Thị T1 và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Bố mẹ đẻ của chị là ông Nguyễn Văn T2 và bà Thân Thị Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 006/1981 ngày 06-01-1981. Tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn thể hiện ông Nguyễn Văn T2 sinh năm 1960. Tuy nhiên, theo Giấy khai sinh và Căn cước công dân của ông Nguyễn Văn T2 đều thể hiện ông sinh ngày 14-4-1962. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 06-01-1981, ông Nguyễn Văn T2 mới 18 tuổi 11 tháng 23 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959. Vì vậy, chị Nguyễn Thị Thúy yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 006/1981 ngày 06-01-1981 của Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng) cấp cho ông Nguyễn Văn T2 và bà Thân Thị Q. Chị Thúy giữ nguyên yêu cầu đã nêu trong đơn và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T1 đề nghị Toà án xin được vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên họp của Toà án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Thân Thị Q và ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Ông Nguyễn Văn T2 và bà Thân Thị Q tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng) vào ngày 06-01-1981. Theo Giấy khai sinh và Căn cước công dân, ông sinh ngày 14/4/1962; tại thời điểm đăng ký kết hôn ông mới 18 tuổi 11 tháng 23 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959. Sau khi kết hôn, ông T2 và bà Q chung sống hòa T2, hạnh phúc và có 03 người con chung là Nguyễn Thị Thúy, sinh ngày 02-9-1983; Nguyễn Thị Hiền, sinh ngày 16-11-1989 và Nguyễn Thị Thanh, sinh ngày 16-01-1985. Chị Nguyễn Thị Thúy yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, ông T2 và bà Q không đồng ý. Ông bà cùng đề nghị Toà án công nhận ông T2 và bà Q là vợ chồng tại thời điểm ông T2 đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông T2 và bà Q xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và phiên họp của Toà án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng thể hiện: Ông Nguyễn Văn T2 và bà Thân Thị Q

đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Dân, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng) vào ngày 06/01/1981. Theo Sổ đăng ký kết hôn năm 1981, đối chiếu với Giấy khai sinh và Căn cước công dân của ông Nguyễn Văn T2 thể hiện ông T2 sinh ngày 14/4/1962 thì ông T2 mới được 18 tuổi 11 tháng 23 ngày không đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Theo nguyện vọng và mong muốn của ông Nguyễn Văn T2 và bà Thân Thị Q là công nhận ông bà là vợ chồng kể từ thời điểm đủ tuổi theo quy định. Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, UBND phường Nhị Chiểu có quan điểm đồng ý hủy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 006/1981 ngày 06/01/1981 do UBND xã Tân Dân, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng) cấp cho ông Nguyễn Văn T2 và bà Thân Thị Q. UBND phường đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp: Chị Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Thân Thị Q, Ủy ban nhân dân phường Nhị Chiểu đều có đơn xin vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 8, Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29; Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T1 về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn T2 và bà Thân Thị Q theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 006/1981 ngày 06-01-1981 do Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng) cấp.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T2 và bà Thân Thị Q kể từ ngày 14-4-1982.

3. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị T1 không phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T2 và bà Thân Thị Q phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T1 có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn T2, bà Thân Thị Q. Ông T2 và bà Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng). Toà án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng thụ lý giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29; Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T1, ông T2, bà Q, Ủy ban nhân dân phường Nhị Chiểu đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt bà, anh, chị và Uỷ ban nhân dân phường Nhị Chiểu.

[2]. Về nội dung:

- Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị T1 về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Thân Thị Q và ông Nguyễn Văn T2, do Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là Uỷ ban nhân dân phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng) cấp số 006 ngày 06-01-1981. Tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ghi tên chồng Nguyễn Văn T2, sinh năm 1960. Đối chiếu với Giấy khai sinh và Căn cước công dân của ông đều thể hiện tên Nguyễn Văn T2, sinh ngày 14-4-1962. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn ông T2 mới được mới 18 tuổi 11 tháng 23 ngày là chưa đủ tuổi đăng ký theo quy định tại Điều 6 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959. Bà Q và ông T2 không đồng ý hủy kết hôn trái pháp luật và đề nghị công nhận ông bà là vợ chồng kể từ thời điểm ông T2 đủ tuổi theo quy định. Ủy ban nhân dân phường Nhị Chiểu đồng ý hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa ông T2 và bà Q. Xét yêu cầu của chị T1 là có căn cứ tuy nhiên ông T2 bà Q đều đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng nên không chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị. Áp dụng Điều 8; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng

dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông T2 kể từ ngày 14-4-1982.

[3]. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị T1 không phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông T2 và bà Q phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 8, Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29; Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T1 về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn T2 và bà Thân Thị Q theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 006/1981 ngày 06-01-1981 do Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng) cấp.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Thân Thị Q và ông Nguyễn Văn T2 kể từ ngày 14-4-1982.

3. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị T1 không phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T2 và bà Thân Thị Q phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Nguyệt